

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **32/2021/DS-PT**

Ngày: 12 - 5 - 2021

*V/v “Tranh chấp hợp đồng chuyển
nhượng quyền sử dụng đất
và hợp đồng mua bán tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Tấn Hoàng.

Các Thẩm phán: Bà Vũ Ngọc Hà;

Ông Ngô Chiu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Thiện Nam - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên: Bà Trần Thị Thu Anh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 59/2020/DS-PT ngày 24 tháng 07 năm 2020 về việc *“Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hợp đồng mua bán tài sản”*. Do bản án dân sự sơ thẩm số 13/2020/DS-ST ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã SC bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 17/2021/QĐ-PT ngày 09 tháng 03 năm 2021 và Thông báo ấn định lại thời gian xét xử phúc thẩm số 70/2021/TB-TA ngày 23/4/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: 1. Ông Nguyễn L, sinh năm 1973; Có đơn xin vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1977; Có mặt.

3. Bà Hồ Thị N, sinh năm 1976; Vắng mặt.

4. Bà Ngô Thị L1, Sinh Năm 1973; Vắng mặt.

5. Bà Ngô Thị V, sinh năm 1971; Người đại diện ủy quyền bà Trần Thị Tám; Có đơn xin vắng mặt.

6. Bà Mai Thị T, sinh năm 1969; Vắng mặt.

7. Bà Lê Thị H, sinh năm 1980; Có đơn xin vắng mặt.

8. Bà Lê Thị H1, sinh năm 1991; Có đơn xin vắng mặt.

9. Bà Cao Thị Đ, sinh năm 1968; Vắng mặt.

10. Bà Đỗ Thị M, sinh năm 1968; Vắng mặt.

11. Bà Võ Thị H2, sinh năm 1978; vắng mặt.

12. Bà Lê Thị H3, sinh năm 1980; Có đơn xin vắng mặt.

13. Bà Ngô Thị L3, sinh năm 1978; Có đơn xin vắng mặt.

Đều cư trú tại: Khu phố P, phường Xuân Th, thị xã SC, tỉnh Phú Yên;

14. Bà Trương Thị Mai L4, sinh năm 1969; Nơi cư trú: Khu phố Long Hải Bắc, phường Xuân Yên, thị xã SC, tỉnh Phú Yên; có đơn xin vắng mặt.

15. Bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1966; Nơi cư trú: Khu phố Dân Phước, phường Xuân Th, thị xã SC, tỉnh Phú Yên; Vắng mặt.

16. Ông Nguyễn Tấn Q, sinh năm 1970; Nơi cư trú: Khu phố P, phường Xuân Th, thị xã SC, tỉnh Phú Yên; có mặt

17. Bà Lê Thị A, sinh năm 1975; Nơi cư trú: Thôn Phương Lưu, xã Xuân Thọ 1, thị xã SC, tỉnh Phú Yên; có mặt.

- *Bị đơn*: 1. Vợ chồng ông Lê Văn H4, bà Ngô Thị H3; Nơi cư trú: Khu phố P, phường Xuân Th, thị xã SC, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

2. Ông Võ Ngọc H6, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Thôn Phú Mỹ, phường Xuân Th, thị xã SC, tỉnh Phú Yên; Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Võ Ngọc H6: Có bà Trần Thị Như Th – Luật sư VPLS Dân P thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Phú Yên.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: 1. Bà Lê Thị H, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Thôn M, phường Xuân Th, thị xã SC, tỉnh Phú Yên; Vắng mặt.

2. Ngân hàng ABC Việt Nam – Chi nhánh thị xã SC; Người đại diện: Ông Trương Văn V; Địa chỉ: 10 V, phường P, thị xã SC, tỉnh Phú Yên. Có đơn xin vắng mặt.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn ông Võ Ngọc H6, bà Lê Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 13/9/2019, tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa đồng nguyên đơn trình bày:

Vợ chồng ông Lê Văn H4, bà Ngô Thị H3 có vay của 17 đồng nguyên đơn nhưng không trả nợ như cam kết nên đã khởi kiện và được Tòa án giải quyết buộc vợ chồng Hải, Hương phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Sau khi Tòa án giải quyết, đã có bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, 17 đồng nguyên đơn yêu cầu thi

hành án dân sự, phát mãi tài sản là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 30, tờ bản đồ 44-ĐC, địa chỉ: KP P, phường Xuân Th, thị xã SC, tỉnh Phú Yên (đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 739222 cho vợ chồng Hải, Hương) và 02 giấy đăng ký số PY-94004- TS theo giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 66/2017 thuộc quyền sở hữu của vợ chồng Lê Văn H4, Ngô Thị H3. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã SC đã tiến hành thủ tục thi hành án, xác minh tài sản của người thi hành án thì vợ chồng Hải, Hương, cùng với con rể là Võ Ngọc H6 trình ra 03 hợp đồng, gồm:

1- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 27/3/2019 về việc chuyển nhượng thửa đất số 30, tờ bản đồ 44-ĐC, địa chỉ: KP P, phường Xuân Th, thị xã SC, tỉnh Phú Yên;

2- 02 hợp đồng mua bán tàu cá ngày 03/4/2019 đối với tàu cá đăng ký số PY-94004-TS theo giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 67/2017 và tàu cá đăng ký số PY-94004-TS theo giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 66/2017.

Vợ chồng Lê Văn H4, Ngô Thị H3 lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua bán tàu cá cho ông Võ Ngọc H6 (con rể) trong thời điểm tòa án đang thụ lý giải quyết các vụ kiện nợ của vợ chồng Hải, Hương là tẩu tán tài sản, vi phạm pháp luật.

Sợ việc tẩu tán tài sản bị lộ vợ chồng H4, H3 và ông H không thực hiện việc công chứng tại thị xã SC mà vào thành phố T. Việc vợ chồng H4, H3 tẩu tán các tài sản nêu trên nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án, ảnh hưởng đến quyền lợi của các đồng nguyên đơn nên yêu cầu tòa giải quyết: Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hai hợp đồng mua bán tàu cá như trên, để đảm bảo quyền lợi của nguyên đơn.

Bị đơn vợ chồng ông Lê Văn H4, bà Ngô Thị H3 trình bày: Năm 2016 vợ chồng tôi có hỏi vay tiền của Võ Ngọc H6 nhưng Hà không đồng ý, Hà chỉ đồng ý hùn vốn với vợ tôi số tiền 500.000.000đ để đóng tàu cá làm ăn, sau đó thì vợ chồng tôi thế chấp nhà đất và 02 tàu cá để vay 700.000.000đ tại ngân hàng Agribank SC. Do làm ăn thua lỗ nên vợ chồng tôi có vay tiền của nhiều người, vì sợ các chủ nợ đến lấy tàu cá trừ nợ mất tiền hùn vốn của Hà nên Hà có đứng ra thế chấp tài sản của Hà để vay ngân hàng Agribank SC trả nợ thay cho vợ chồng tôi tại Agribank SC, để giải quyết tài sản của vợ chồng tôi gồm một thửa đất và 02 tàu cá. Sau đó hai bên tiến hành làm thủ tục sang tên cho H6 thì bị ngăn chặn. Nay vợ chồng tôi đồng ý hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 27/3/2019 về việc chuyển nhượng thửa đất số 30, tờ bản đồ 44- ĐC, địa chỉ: KP P, phường Xuân Th, thị xã SC, tỉnh Phú Yên, còn hai hợp đồng mua bán tàu cá ngày 03/4/2019 đề nghị tòa công nhận.

Bị đơn là ông Võ Ngọc H6 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị H trình bày:

Ngày 09/7/2016 vợ chồng ông Lê Văn H4 vay của vợ chồng tôi 500.000.000 đồng; ngày 05/11/2017 vợ chồng ông H4 tiếp tục vay 400.000.000đ; ngày 20/10/2018 vợ chồng ông H4 tiếp tục vay 400.000.000đ. Tổng cộng là 1.300.000.000đ, vợ chồng ông H4 không trả nợ nên chuyển nhượng thửa đất tọa lạc tại: KP P, phường Xuân Th, thị xã SC, tỉnh Phú Yên; Bán tàu cá đăng ký số PY-94004-TS và tàu cá đăng ký số PY-94005-TS cho vợ chồng tôi. Do tài sản đang được vợ chồng ông H4 thế chấp tại Agribank SC vay vốn 700.000.000đ chưa được giải quyết, nên ngày 25/3/2019 vợ chồng ông H4 làm giấy ủy quyền cho ông H6 được liên hệ Agribank SC để trả tiền vay cho vợ chồng ông H4 và thay mặt vợ chồng ông H4 nhận lại giấy tờ nhà đất và 02 tàu cá đã thế chấp tại Ngân hàng, để lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và mua bán tàu cá. Do thỏa thuận từ trước nên vợ chồng tôi đã thế chấp quyền sử dụng đất thửa 105, tờ bản đồ 43-ĐC, diện tích 320m², tọa lạc tại thôn Phú Mỹ, xã Xuân Phương, thị xã SC, tỉnh Phú Yên cho ngân hàng ABCViệt Nam – Chi nhánh SC để vay vốn 1.000.000.000đ, việc này đã được ngân hàng xác nhận tại công văn số 440/NHHoSC xác nhận số tiền nợ 704.000.000đ được vợ chồng tôi tắt toán, để lấy lại giấy tờ sở hữu về tài sản thế chấp như trên.

Sau đó vợ chồng ông H4 lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho vợ chồng tôi, hợp đồng được lập ngày 27/3/2019, GCNQSD đất AO 739222 có nhà ở 01 tầng với số tiền chuyển nhượng 15.000.000đ và lập 02 hợp đồng mua bán tàu cá cùng ngày 03/4/2019 (tàu cá PY-94004-TS theo giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 67/2017). Do nợ có từ trước, nên phương thức thanh toán giống nhau nhưng thực chất khoản tiền mua 03 tài sản này chính là khoản tiền vợ chồng ông H4 vay của vợ chồng tôi là 1.300.000.000đ và khoản tiền trả ngân hàng là 704.000.000đ. Tổng cộng 2.004.000.000đ. Do đó, việc mua bán tàu cá và chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo 03 hợp đồng là ngay tình đúng pháp luật, được công chứng lúc mua bán không hạn chế quy định nào của pháp luật.

Vợ chồng tôi yêu cầu Tòa án giải quyết chúng tôi được ưu tiên nhận thanh toán số tiền 704.000.000đ khi phát mãi tài sản, còn số tiền 1.300.000.000đ xin nhận theo tỷ lệ như các nguyên đơn vì đây là khoản vay không có tài sản bảo đảm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng ABCViệt Nam – chi nhánh SC trình bày: Ngày 28/4/2017 vợ chồng ông H4 vay tại Agribank SC 700.000.000đ theo hợp đồng tín dụng số 4603-LAV-201700899, tài sản thế chấp là 02 tàu cá số đăng ký PY-94005-TS và PY-94005-TS, đến ngày 26/3/2019 đã trả hết nợ và Agribank SC cũng trả lại tài sản thế chấp cho hộ vay, số tiền 704.131.944đ trả cho khoản vay của ông Lê Văn H4 theo Hợp đồng tín dụng số 4603-LAV-201700899 được ông Võ Ngọc H6 trả theo giấy ủy quyền ngày 25/3/2019 của vợ chồng ông H4. Cùng ngày 26/3/2019 vợ chồng ông H6 có vay tại Agribank SC 1.000.000.000đ hạn trả vào ngày 25/3/2021, thế

hiện qua Hợp đồng tín dụng số 4603- LAV- 201900584 giữa Agribank SC và vợ chồng Hà cùng chứng từ giao dịch ngày 26/3/2019 do ông Hà ký nhận, bản thân ông H6 là khách hàng thường xuyên có tiền gửi, tiền vay ở Agribank SC và mục đích vay của ông H6 là nuôi tôm hùm.

Tại bản án dân sự số 13/2020/DS-ST ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã SC quyết định:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 117, 119, 123, 131 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: [1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn Nguyễn L, Nguyễn Thanh B, Hồ Thị N, Ngô Thị L1, Ngô Thị V, Mai Thị T, Lê Thị H, Lê Thị H1, Cao Thị Đ, Đỗ Thị M, Võ Thị H2, Lê Thị H3, Ngô Thị L3, Trương Thị Mai L4, Nguyễn Thị M1, Nguyễn Tấn Q, Lê Thị A, tuyên bố:

+ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng Lê Văn H4, Ngô Thị H3 và Võ Ngọc H6 được lập ngày 27/3/2019 đối với thửa đất số 30, tờ bản đồ 44-ĐC, địa chỉ: Khu phố Vạn Phước, phường Xuân Th, thị xã SC, tỉnh Phú Yên (Giấy CNQSD đất số AO 739222) bị vô hiệu;

+ 02 Hợp đồng mua bán tàu cá giữa vợ chồng Lê Văn H4, Ngô Thị H3 và Võ Ngọc H6 được lập ngày 03/4/2019 đối với tàu cá PY-94004-TS (Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 67/2017) và PY-94005-TS (Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 66/2017) bị vô hiệu.

[2] Buộc vợ chồng ông Lê Văn H4, bà Ngô Thị H3 phải hoàn trả cho vợ chồng Võ Ngọc H6, Lê Thị H số tiền 704.131.944đ (bảy trăm lẻ bốn triệu một trăm ba mươi một nghìn chín trăm bốn mươi bốn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày người được thi hành án có đơn thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 22/6/2020, bị đơn chợ chồng ông Võ Ngọc H6, bà Lê Thị H kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;

Bị đơn vợ chồng Lê Văn H4, Ngô Thị H3 vắng mặt.

Bị đơn ông Võ Ngọc H6 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Luật sư của bị đơn cho rằng vợ chồng bị đơn được ưu tiên thanh toán khoản nợ 704.000.000đ và tiền lãi là có cơ sở theo khoản 4 Điều 327 BLDS; Khoản 4 Điều 56 và khoản 1 Điều 58 Nghị định 163 về giao dịch bảo đảm, vợ chồng đã trả 704.000.000đ vào ngân hàng để giải chấp tài sản của vợ chồng ông H4 đương nhiên phải được ưu tiên, nên đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận kháng cáo của vợ chồng ông H6.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về vụ án: Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự. Về nội dung thấy rằng trong thời gian tòa thụ lý vụ án giải quyết tranh chấp, thì vợ chồng ông Hiếu và vợ chồng ông H6 tự động nộp tiền và rút tài sản ra để giao kết hợp đồng là không đúng, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTDS giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự và Kiểm sát viên tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa số 105, tờ 43- ĐC, diện tích 320m², tọa lạc tại thôn M, xã P, thị xã SC, tỉnh Phú Yên (GCNQSD đất số AO 739222) giữa vợ chồng Lê Văn H4, Ngô Thị H3 với Võ Ngọc H6 được lập và công chứng ngày 27/3/2019; 02 Hợp đồng chuyển nhượng tàu cá PY-94004-TS và PY-94005-TS giữa vợ chồng Lê Văn H4, Ngô Thị H3 với Võ Ngọc H6 được lập và công chứng ngày 03/4/2019. Ba hợp đồng đều chưa hoàn thành thủ tục đăng ký sang tên, nên chưa phát sinh hiệu lực theo quy định tại Điều 117 và khoản 2 Điều 119 BLDS năm 2015. Tại thời điểm lập 03 hợp đồng vợ chồng ông H4 còn có nghĩa vụ về tài sản phải thanh toán cho rất nhiều người trong đó có 17 nguyên đơn, nghĩa vụ trả nợ đều xuất phát từ các hợp đồng vay tài sản lập từ năm 2016 đến trước thời điểm tháng 3/2019 (vỡ nợ), cũng đã có trường hợp phát sinh đơn khởi kiện tại Tòa án trước ngày 27/3/2019. Tại thời điểm lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và 02 hợp đồng mua bán tàu cá, vợ chồng H4 đã lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán, trong đó có 17 đồng nguyên đơn chưa được vợ chồng ông H4 trả thể hiện tại các bản án, quyết định sau:

+ Hồ Thị N số tiền 110.000.000đ (theo Bản án số 12/2019/DSST ngày 20/5/2019 của TAND thị xã SC)

+ Võ Thị H2 số tiền 300.000.000đ (theo Bản án số 14/2019/DSST ngày 20/5/2019 của TAND thị xã SC)

+ Ngô Thị L3 số tiền 150.000.000đ (theo Bản án số 15/2019/DSST ngày 20/5/2019 của TAND thị xã SC)

- + Mai Thị T số tiền 600.000.000đ (theo Bản án số 16/2019/DSST ngày 20/5/2019 của TAND thị xã SC)
- + Lê Thị H số tiền 70.000.000đ (theo Bản án số 17/2019/DSST ngày 20/5/2019 của TAND thị xã SC)
- + Lê Thị H1 số tiền 50.000.000đ (theo Bản án số 18/2019/DSST ngày 20/5/2019 của TAND thị xã SC)
- + Trương Thị Mai L4 số tiền 150.000.000đ (theo Bản án số 19/2019/DSST ngày 20/5/2019 của TAND thị xã SC)
- + Nguyễn Thanh B số tiền 400.000.000đ (theo Bản án số 20/2019/DSST ngày 20/5/2019 của TAND thị xã SC)
- + Nguyễn L số tiền 200.000.000đ (theo Bản án số 21/2019/DSST ngày 20/5/2019 của TAND thị xã SC)
- + Đỗ Thị M số tiền 50.000.000đ (theo Bản án số 22/2019/DSST ngày 24/5/2019 của TAND thị xã SC)
- + Lê Thị H3 số tiền 300.000.000đ (theo Bản án số 23/2019/DSST ngày 24/5/2019 của TAND thị xã SC)
- + Nguyễn Thị M1 số tiền 150.000.000đ (theo Bản án số 24/2019/DSST ngày 24/5/2019 của TAND thị xã SC)
- + Cao Thị Đ số tiền 400.000.000đ (theo Bản án số 26/2019/DSST ngày 10/6/2019 của TAND thị xã SC)
- + Ngô Thị L1 số tiền 420.000.000đ (theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 04/2019/QĐST-DS ngày 19/5/2019)
- + Ngô Thị V số tiền 60.000.000đ (theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 05/2019/QĐST-DS ngày 24/5/2019)
- + Lê Thị A số tiền 586.872.000đ (theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 12/2019/QĐST-DS ngày 07/8/2019)
- + Nguyễn Tấn Q số tiền 806.000.000đ (theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 17/2019/QĐST-DS ngày 15/8/2019)

Vợ chồng ông H4 chuyển giao tài sản của mình theo 03 hợp đồng cho con rể là Võ Ngọc H6, trong khi còn có nhiều nghĩa vụ về tài sản phải thanh toán cho người khác làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của những người có quyền về tài sản, nên cả 03 hợp đồng nêu trên đều có mục đích trái đạo đức xã hội bị vô hiệu theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 117 và Điều 123 BLDS năm 2015.

Từ những căn cứ trên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn, tuyên bố các Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất

và mua bán tàu cá giữa vợ chồng Lê Văn H4, Ngô Thị H3 và Võ Ngọc H6 bị vô hiệu là phù hợp.

[2] Ngân hàng ABCViệt Nam – Chi nhánh SC (Agribank SC) trình bày tại công văn số 440/- ngày 04/3/2010 và 513/- ngày 28/5/2020 phù hợp với đơn xin xác nhận ngày 09/6/2019 của ông Võ Ngọc H6 được Giám đốc Agribank SC xác nhận nội dung: Ngày 26/3/2019 vợ chồng Võ Ngọc H6 dùng tài sản của mình để thế chấp vay vốn của Agribank SC 1.000.000.000đ, sau khi giải ngân đã dùng số tiền này thanh toán trả nợ cho vợ chồng Lê Văn H4 704.131.944đ theo Hợp đồng tín dụng số 4603-LAV-201700899; Khoản nợ của vợ chồng ông Lê Văn H4 theo Hợp đồng tín dụng số 4603-LAV-201700899 được đảm bảo bằng tài sản là 02 tàu cá PY-94004-TS, PY-94005-TS và Giấy CNQSD đất số AO 739222. Do đó, số tiền 704.131.944đ là tiền thanh toán trước của 03 hợp đồng và 03 hợp đồng này là có thật chứ không phải giả tạo nên căn cứ Điều 131 BLDS năm 2015 buộc vợ chồng ông H4 phải hoàn trả 704.131.944đ cho vợ chồng ông Võ Ngọc H6 là có căn cứ.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Võ Ngọc H6 đề nghị được ưu tiên thanh toán số tiền 704.131.944đ thấy rằng: Khoản tiền này chỉ thanh toán cho Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và 02 hợp đồng mua bán tàu cá giữa vợ chồng ông Lê Văn H4 và vợ chồng ông Võ Ngọc H6, không phải là giao dịch đảm bảo nên không được ưu tiên thanh toán theo quy định tại các điều 307,308 BLDS năm 2015.

Từ những căn cứ như trên cần chấp nhận quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên tòa giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn - giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117,119,123,131 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn Nguyễn L, Nguyễn Thanh B, Hồ Thị N, Ngô Thị L1, Ngô Thị V, Mai Thị T, Lê Thị H, Lê Thị H1, Cao Thị Đ, Đỗ Thị M, Võ Thị H2, Lê Thị H3, Ngô Thị L3, Trương Thị Mai L4, Nguyễn Thị M1, Nguyễn Tấn Q, Lê Thị A, tuyên bố:

+ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng Lê Văn H4, Ngô Thị H3 và Võ Ngọc H6 được lập ngày 27/3/2019 đối với thửa đất số 30, tờ bản đồ 44-ĐC, địa chỉ: Khu phố P, phường Xuân Th, thị xã SC, tỉnh Phú Yên (Giấy CNQSD đất số AO 739222) bị vô hiệu;

+ 02 Hợp đồng mua bán tàu cá giữa vợ chồng Lê Văn H4, Ngô Thị H3 và Võ Ngọc H6 được lập ngày 03/4/2019 đối với tàu cá PY-94004-TS (Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 67/2017) và PY-94005-TS (Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 66/2017) bị vô hiệu.

2. Buộc vợ chồng ông Lê Văn H4, bà Ngô Thị H3 phải hoàn trả cho vợ chồng Võ Ngọc H6, Lê Thị H số tiền 704.131.944đ (bảy trăm lẻ bốn triệu một trăm ba mươi một nghìn chín trăm bốn mươi bốn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày người được thi hành án có đơn thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

3. Không chấp nhận yêu cầu được ưu tiên thanh toán số tiền 704.131.944đ của vợ chồng ông Võ Ngọc H6, bà Lê Thị H. Vì không có căn cứ pháp luật

4. Về án phí Dân sự sơ thẩm:

Ông Võ Ngọc H6 và vợ chồng Lê Văn H4, Nguyễn Thị Hương phải liên đới nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trong đó: Ông H6 phải nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng); vợ chồng Hải, Hương phải nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Vợ chồng ông Lê Văn H4, bà Ngô Thị H3 phải nộp 32.165.000đ (ba mươi hai triệu một trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho:

+ Nguyễn L số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp có tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000353 ngày 20/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã SC,tỉnh Phú Yên..

+ Nguyễn Thanh B số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp có tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000354 ngày 20/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã SC,tỉnh Phú Yên.

+ Hồ Thị N số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp có tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000352 ngày 20/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã SC,tỉnh Phú Yên.

+ Ngô Thị L1 số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp có tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000351 ngày 20/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã SC,tỉnh Phú Yên.

+ Ngô Thị V số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp có tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000358 ngày 20/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã SC,tỉnh Phú Yên.

+ Mai Thị T số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp có tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000359 ngày 20/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã SC,tỉnh Phú Yên.

+ Lê Thị H số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp có tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000361 ngày 20/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã SC,tỉnh Phú Yên.

+ Lê Thị H1 số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp có tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000362 ngày 20/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã SC,tỉnh Phú Yên.

+ Cao Thị Đ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp có tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000365 ngày 23/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã SC,tỉnh Phú Yên.

+ Đỗ Thị M số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp có tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000364 ngày 23/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã SC,tỉnh Phú Yên.

+ Võ Thị H2 số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp có tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000360 ngày 20/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã SC,tỉnh Phú Yên.

+ Lê Thị H3 số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp có tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000357 ngày 20/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã SC,tỉnh Phú Yên.

+ Ngô Thị L3 số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp có tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000369 ngày 24/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã SC,tỉnh Phú Yên.

+ Trương Thị Mai L4 số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp có tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000366 ngày 23/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã SC,tỉnh Phú Yên.

+ Nguyễn Thị M1 số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp có tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000356 ngày 20/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã SC,tỉnh Phú Yên.

+ Nguyễn Tấn Q số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp có tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000363 ngày 23/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã SC,tỉnh Phú Yên.

+ Lê Thị A số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp có tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000355 ngày 20/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã SC,tỉnh Phú Yên.

5. Về án phí DSPT: Vợ chồng ông Võ Ngọc H6 phải chịu 300.000đ. Đã nộp ở biên lai thu tiền số 0004899 ngày 30/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã SC.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- TAND tx.SC (2)
- Chi cục THADS tx.SC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Tấn Hoàng